

TỪ ĐỒNG NGHĨA

I – THẾ NÀO LÀ TỪ ĐỒNG NGHĨA ?

1. Đọc lại bản dịch thơ *Xa ngắm thác núi Lư* của Tương Như. Dựa vào kiến thức đã học ở bậc Tiểu học, hãy tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ : *rọi, trông*.
2. Từ *trông* trong bản dịch thơ *Xa ngắm thác núi Lư* có nghĩa là "nhìn để nhận biết". Ngoài nghĩa đó ra, từ *trông* còn có những nghĩa sau :

a) Coi sóc, giữ gìn cho yên ổn.

b) Mong.

Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi nghĩa trên của từ *trông*.

Ghi nhớ

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

II – CÁC LOẠI TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. So sánh nghĩa của từ *quả* và từ *trái* trong hai ví dụ sau :

– *Rủ nhau xuống bể mò cua,
Dem về nấu quả mơ chua trên rừng.*

(Trần Tuấn Khải)

– *Chim xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tẩm mát đậu cành cây đa.*

(Ca dao)

2. Nghĩa của hai từ *bỏ mạng* và *hi sinh* trong hai câu dưới đây có chỗ nào giống nhau, chỗ nào khác nhau ?

– *Trước sức tấn công như vũ bão và tinh thần chiến đấu dũng cảm tuyệt vời của quân Tây Sơn, hàng vạn quân Thanh đã bỏ mạng.*

– *Công chúa Ha-ba-na đã hi sinh anh dũng, thanh kiếm vẫn cầm tay.*

(Truyện cổ Cu-ba)

Ghi nhớ

Từ đồng nghĩa có hai loại : những từ đồng nghĩa hoàn toàn (không phân biệt nhau về sắc thái nghĩa) và những từ đồng nghĩa không hoàn toàn (có sắc thái nghĩa khác nhau).

III – SỬ DỤNG TỪ ĐỒNG NGHĨA

- Thứ thay các từ đồng nghĩa *quả* và *trái*, *bỏ mạng* và *hi sinh* trong các ví dụ ở mục II cho nhau và rút ra nhận xét.
- Ở Bài 7, tại sao đoạn trích trong *Chinh phủ ngâm khúc* lấy tiêu đề là *Sau phút chia li* mà không phải là *Sau phút chia tay*?

Ghi nhớ

Không phải bao giờ các từ đồng nghĩa cũng có thể thay thế cho nhau. Khi nói cũng như khi viết, cần cân nhắc để chọn trong số các từ đồng nghĩa những từ thể hiện đúng thực tế khách quan và sắc thái biểu cảm.

IV – LUYỆN TẬP

- Tìm từ Hán Việt đồng nghĩa với các từ sau đây :

- gan dạ	- chó biển
- nhà thơ	- đòi hỏi
- mổ xẻ	- năm học
- cửa cài	- loài người
- nước ngoài	- thay mặt

- Tìm từ có gốc Ấn – Âu đồng nghĩa với các từ sau đây :

- máy thu thanh	- xe hơi
- sinh tố	- dương cầm

- Tìm một số từ địa phương đồng nghĩa với từ toàn dân (phổ thông).

Mẫu : *heo* – *lợn*.

- Tìm từ đồng nghĩa thay thế các từ in đậm trong các câu sau đây :

- Món quà anh gửi, tôi đã đưa tận tay chị ấy rồi.
- Bố tôi đưa khách ra đến cổng rồi mới trở về.
- Cậu ấy gặp khó khăn một tí đã kêu.
- Anh đừng làm như thế người ta nói cho đấy.
- Cụ đó nặng đã đi hôm qua rồi.

5. Phân biệt nghĩa của các từ trong các nhóm từ đồng nghĩa sau đây :

- ăn, xơi, chén
- cho, tặng, biếu
- yếu đuối, yếu ớt
- xinh, đẹp
- tu, nhấp, nốc

6. Chọn từ thích hợp điền vào các câu dưới đây :

a) thành tích, thành quả

- Thế hệ mai sau sẽ được hưởng ... của công cuộc đổi mới hôm nay.
- Trường ta đã lập nhiều ... để chào mừng ngày Quốc khánh mồng 2 tháng 9.

b) ngoan cường, ngoan cố

- Bọn địch ... chống cự đã bị quân ta tiêu diệt.
- Ông đã ... giữ vững khí tiết cách mạng.

c) nhiệm vụ, nghĩa vụ

- Lao động là ... thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của mỗi người.
- Thầy Hiệu trưởng đã giao ... cụ thể cho lớp em trong đợt tuyên truyền phòng chống ma tuý.

d) giữ gìn, bảo vệ

- Em Thuý luôn luôn ... quần áo sạch sẽ.
- ... Tổ quốc là sứ mệnh của quân đội.

7. Trong các cặp câu sau, câu nào có thể dùng hai từ đồng nghĩa thay thế nhau, câu nào chỉ có thể dùng một trong hai từ đồng nghĩa đó ?

(Gợi ý :

- Câu có thể dùng hai từ thay thế nhau : điền cả hai từ vào khoảng trống, dùng dấu gạch chéo để phân cách.
- Câu chỉ được dùng một trong hai từ : điền từ đó vào khoảng trống.

Mẫu : *nuôi dưỡng, phụng dưỡng*

- *Con cái có trách nhiệm **phụng dưỡng** / **nuôi dưỡng** bố mẹ già.*
 - *Bố mẹ có trách nhiệm **nuôi dưỡng** con cái cho đến lúc con cái trưởng thành.)*
- a) *đối xử, đối đãi*
- *Nó ... tử tế với mọi người xung quanh nên ai cũng mến nó.*
 - *Mọi người đều bất bình trước thái độ ... của nó đối với trẻ em.*
- b) *trọng đại, to lớn*
- *Cuộc Cách mạng tháng Tám có ý nghĩa ... đối với vận mệnh dân tộc.*
 - *Ông ta thân hình ... như hộ pháp.*

8. Đặt câu với mỗi từ : *bình thường, tầm thường, kết quả, hậu quả*.

9. Chữa các từ dùng sai (in đậm) trong các câu dưới đây :

- *Ông bà cha mẹ đã lao động vất vả, tạo ra thành quả để con cháu đời sau hưởng lạc.*
- *Trong xã hội ta, không ít người sống ích kỉ, không giúp đỡ **bao che** cho người khác.*
- *Câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" đã **giảng dạy** cho chúng ta lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh.*
- *Phòng tranh có **trình bày** nhiều bức tranh của các họa sĩ nổi tiếng.*